

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 15

Nhân thắng Bồ-đề, nghĩa thí phát sinh. Tuệ giác thanh tịnh, tịch mặc gắn bó. Góc tu thanh tịnh, hạnh nhẫn (là) mẫu mực. Phạm hạnh chế ngự. Hóa độ tam tai. Gắn với Thập thiện. Thắng định hướng đạt, an lành phát sinh. Xóm làng đúng phần, thông tỏ bình đẳng. Nơi chốn thù thắng thông suốt, thấu đạt. Đó là thấu đạt chân thật lời dạy của Bồ-tát.

Cội nguồn phước đức (là) hình tướng tận cùng. Lực dụng thắng nghĩa từ gốc “vô sinh”. Chỉ dạy đạo đức thanh tịnh viên mãn. Chấp ngã tạo nghiệp, tham ái sinh theo. Trí tuệ bình đẳng an lành độ khắp. Xấu ác chẳng sinh, thanh tịnh giải thoát. Hành đạo chân thật, dứt hết lo sợ. Cội rễ nhiễm, tranh, tham ái khó bỏ. Thân, ngữ, ý sinh theo mười nẻo nghiệp. Tịch tĩnh phát huy, trừ sạch nhiễm, vọng. Trăng tròn trong lành chiếu sáng như vậy. Ngã mạn bất kỳ, tác dụng tận cùng. Hành, giải gồm đủ, thiện tĩnh hiện bày. Thắng nghĩa nhân căn phát sinh “kiến dụng”. Hình tướng thế gian thể tánh không bền. Nhân gốc của mạn thấy đều không thật. Thắng nghĩa phát sinh diệt hết đối khổ. Bệnh, não, duyên (với) nhân hình tướng kinh sợ. Biến động kỳ lạ cũng đều giả hợp. Giới luật thanh tịnh, thấu đạt chân thật. Các mạn duyên nhau thuận theo sinh dấy. Tai nạn phát sinh nhân nhiễm lưu truyền. (Là) cội rễ (mọi) tạo tác, (chỉ) thắng thừa mới dứt. Bồ thí tăng lên, hành giải dốc đạt. Trói buộc điên đảo (từ) sức quấy (của) cấu nhiễm. Thanh tịnh, an tĩnh khắp chốn khó đạt. Trăng tròn trên không, tối tăm chiếu khắp. Xa lìa bụi cấu, tự tại hiện bày. Cứu cánh thế gian, hư ảo chẳng bền. Pháp (của) bậc Hiền thánh dẫn dắt chúng sinh. Nơi chốn sinh khởi an tĩnh thật sự. Dốc của trói buộc, chuyển biến đổi dời. Tự tánh dứt tranh (là) ái lạc bậc nhất. Sùng kính, ngưỡng mộ chẳng nhiễm hại tánh. Thù thắng tăng trưởng, phát sinh dẫn dắt.

Thế nào là xứ ngã, ngã tiếp nối?

Tự tánh hòa hợp, tâm pháp buộc che. Hình tướng chân thật, lực dụng đều dứt. Cõi ý không trí, nhân thắng chẳng sinh. vọng tưởng cấu nhiễm, lừa dối bùng dậy. Tự tánh nhiễm tạp, gốc do hý luận. Tham dục trợn nên (là) hình tướng hoạn nạn. Đối đời, lấy bỏ chúng tánh chẳng định. Theo mỗi giữ pháp, được vật mạng tiêu. Kinh sợ buộc nhân, dẫn tới điên đảo. An lạc hiện bày, thù thắng sung mãn. Cõi ý thanh tịnh, vọng nhiễm chẳng sinh. Phiền não trói buộc, khéo tu điều phục. Năng lực giáo hóa, tăng thêm khắp nẻo. Nhân duyên chấp ngã, Phật đạo năng trừ. Dốc tu dứt nhiễm, nghĩa lợi tịnh diệu. Bồ thí tận cùng, dốc tu chân thật. Ý phát nhân thắng, gốc mọi gánh vác... Điều phục khắp chốn, hành giải thuận hợp. Tâm pháp thù thắng, tham ái không hiện. Tạo tác nghiệp dữ, chướng nạn chất chồng, chướng nhiễm trần sa, vi tế khó đoạn. Cõi Phi tướng thứ chín, cùng gần với Thánh. Nơi chốn cứu cánh, nhân Thánh mới dứt. Hình tướng chuyển đổi, sức lực đều mất. Tướng danh sắc ấy, vật dụng gắng tu. Nơi chốn (đầy) sợ hãi, tự tại không thể (có). Náo tĩnh khắp cõi, phạm hạnh dứt trừ. Phiền não chuyển biến dẫn tới tạo nghiệp. Dòng thác nhiễm ác, điên đảo cùng sinh. Trói buộc thật sự, mong được dứt trừ. Bậc đại hữu tình, tùy thuận tấn tu. Phước đức thắng nghĩa phát sinh, khế hợp. Tạo tác nghiệp dữ, chấp ngã làm nhân. Cõi ý tăng trưởng, mạn dấy nhiều loại. Đúng phần như vậy, phạm hạnh dứt trừ. Thực hiện thấu đạt, quả lợi thanh tịnh. Nhân thắng chân thật, tự tại phát sinh. Phiền não che lấp thắng nghĩa tự tánh. Thông tỏ đúng thực xứ nhân thắng nghĩa. Nhận rõ tận cùng phóng dật buông thả. Thông tỏ độc hại hủy hoại hình tướng. Tịch tĩnh tận cùng, trí tuệ phát sinh. Xa lìa nhiễm

tạp, bố thí thanh tịnh. Làng xóm nơi chốn biến chuyển bao đời, là chốn lìa bỏ hết mọi khổ độc. Bốn uẩn (thuộc) danh, danh gồm thu (cả) nhiễm tịnh. Lực dụng tăng lên, phát huy, mong đạt. Cõi trời, chúng sinh, tu thí tịnh diệu. Xa lìa chướng nhiễm, cứu cánh chân thật. Tạo tác xấu ác, hý luận dấy thêm. Hành thí thanh tịnh, tấn tu viên mãn. Tuệ giải tăng thêm, lực dụng thuận theo. Tinh tấn bố thí (tạo) năng lực gánh vác. (Xem) công đức (là) cứu cánh, giáo hóa giảm bớt (ý nghĩa). Tận cùng như thể dừng ở nơi ấy. Tấn tu điều phục trói buộc, sợ hãi. Thâm diệu khế hợp, dấu ấn trọn đủ. Xứ sở chẳng mất, phát huy vô biên. Xa lìa sợ hãi (tăng) năng lực tương thiện. Đứng phần dài lâu, đạt phước báo (cõi) trời. Tự tánh thanh tịnh, lực dụng cùng tận. Là xứ dòng thác, dấy tăng hủy diệt. Tùy thuận chế ngự, thực hiện cứu cánh.

Thế nào là mong đạt tịnh diệu cõi trời?

Nơi chốn bố thí tăng thêm trói buộc. Giáo hóa chân thật, cấu nhiễm không thể (dấy). Tự tánh thuận hợp hành giải phong phú. Xứ sở thanh tịnh, an ổn, tịch tĩnh. Lực dụng chúng sinh thực hành thuận hợp. Ngọn nguồn hợp nhất, lành thay Bồ-tát. Gồm đủ tịnh diệu, bình đẳng chẳng đôi. Tịnh thí thuận hợp, Bồ-tát nhân dày. Tự tánh chúng sinh tăng thêm tu thí. Tánh như chế ngự điên đảo, sợ hãi. Tu tập thắng nghĩa, tịch tĩnh sung mãn. Nhiễm ác, khổ độc, si độn dứt trừ. Bố thí cứu giúp bình đẳng như vậy. Chúng sinh cõi người, tự tánh chuyển biến. Hữu tình đông đảo, gánh vác không ngớt. Là cõi cứu cánh tịch tĩnh an định. Kẻ dữ dốc tu thắng thừa là chính. Thực hiện tự tại, bốn uẩn khó lường. Thanh tịnh phát sinh, lực dụng tăng trưởng. Dốc tu đúng phần, quả lợi không mất. Quốc vương tối thắng tịch tĩnh chân thật. Trí tuệ phát sinh hành giải hóa độ. Tạo nhân khế hợp, chế ngự mong đạt. Vương giả thượng diệu phước đức thù thắng. Phiền não tận cùng, người, trời cùng bỏ. Hữu tình, cõi trời thấu đạt như vậy. Tự tánh thanh tịnh, Bồ-tát vô về. Giới luật thanh tịnh nhiều đời như thế. Nơi chốn phiền não phát khởi từ bi. Chế ngự tăng thêm, nhân buộc nghiêng đổ. Dứt trừ các mạn, tuệ giải thanh tịnh. Hình bóng biến đổi, tướng tượng thêm sợ. Tịnh thí tăng thêm ái lạc như vậy. Chân lý tĩnh lặng dứt hành điên đảo. Ngôn ngữ phát sinh, giáo hóa muôn loài. Trói buộc cấu nhiễm, giáo hóa chuyển đổi. Không tu hạnh thí, tạo nhân ngã mạn. Hình tướng tự tánh, kinh sợ nhân pháp.

Thế nào là chướng nhiễm dứt hành tịch tĩnh?

Lực dụng hý luận tạo tác chấp ngã. Như vậy tịch tĩnh thâm diệu chẳng còn. Là chốn hữu tình tu hạnh thanh tịnh. Nghiệp nhân thù thắng, cung kính thuận hợp. Hữu tình thuận theo thanh tịnh tận cùng. Tự tại thuận hợp phát sinh tu tập. Ngôn ngữ kiêu dật tăng hạnh đối trá. Tự tánh hướng đạt lìa dòng lưu chuyển. Đó là tạo tác nhân hành thanh tịnh. Tự tánh sợ sệt nhiễm buộc như vậy. Lìa bỏ ngôn ngữ (kiêu dật) chân thật tăng thêm. Khổ độc, si độn, điên đảo dứt hết. Lìa bỏ ngã nhiễm, hình tướng phong phú. Nuôi dưỡng Phật đạo, dứt trừ chướng nhiễm. Tịnh diệu chân thật nhiều kiếp tạo thành. Hý luận dấy lên, phát sinh khắp chốn. Hành, giải gồm đủ, hữu tình tự tại. Phép tắc chế ngự, năng dứt che buộc. Thuận hợp rộng khắp viên mãn tận cùng. Xứ ấy mong đạt thắng nghĩa phát sinh. Giữ gìn tịch tĩnh, hình tướng hiện bày. Tạo nghiệp hủy hoại, lực dụng chẳng sinh. Cõi si độn nhiễm luôn buộc chặt thể. Chân lý phát sinh là nghĩa giải thoát. Cội rễ thù thắng (là) tĩnh trụ tận cùng. Lực dụng tự tánh (là) ngọn nguồn thâm diệu. Là chốn mong đạt dứt nhân chấp ngã. Trói buộc tận cùng, bị thử là gốc.

Thế nào là điên đảo hý luận sinh khởi? Thế nào là chi phần bình đẳng, tịch tĩnh?

Thanh tướng không mất (là) công cụ giải bày. Đó chính là gốc nhân tướng tịch tĩnh. Cội rễ nhiễm chướng, trí khởi liền diệt. Ngọn nguồn tạo nghiệp (là) mười loại hạnh ác. Bồ-

tát chế ngự khắp mọi diên đảo. Nghiệp dữ chúng sinh phát khởi như thế. Nhân thắng đúng phần, tạo tác cùng tận. Thanh tịnh Như như, không (phải) là tích nhóm. Dòng thác dấy tăng trối buộc sắc tướng. Chúng sinh tham dật (chỉ) buông thả tánh tình. Hình tướng chẳng hoại, chân thật tăng thêm. Uy lực quốc vương (khiến) hý luận không (tái) diễn. Ba tánh tạo nhân, lực dụng có (thể) đổi. Cõi học mong đạt, tham dục thuận theo. Vọng nhiễm hợp nhất phát sinh là thế. Dòng thác tăng dấy, dứt bỏ nghĩa lợi. Bồ thí phát sinh lực dụng gánh vác. Lực dụng bình đẳng hiện bày, phát triển. Hình tướng “vô úy”, trượng phu hội đủ. Nhiễm ác tăng dấy, hậu quả không lường. Tướng thắng nghĩa đó phát sinh khắp chốn. Nhân thí phát sinh giáo hóa rộng khắp. Tự tánh dứt sạch cấu nhiễm tận cùng. Hình tướng diên đảo dứt hết khó được. Xa lìa cấu nhiễm, hình tướng viên mãn. Chấp trước bỉ thử (là) tai nạn cả đời. Nghĩa lợi khế hợp, an tĩnh hiện rõ. Bồ-tát điều phục năng lực bình đẳng. Thắng nghĩa phát sinh, các mạn chẳng dấy. Chân lý Như như dứt sạch tai họa. Là chốn Bồ-tát lời thiện dẫn dạy. Thâm diệu tăng thêm, giáo hóa thanh tịnh. Phạm hạnh “vô úy”, tịch tĩnh chân thật. Cội rễ lực dụng hoạn nạn đều diệt. Giáo hóa, bồ thí, thuận theo chánh niệm. Diệt trừ si, mạn (đạt) cội nguồn chân thật. Lời khéo dẫn dạy tịch mặc tịnh diệu. Nhân tịnh thù thắng, thấu đạt bình đẳng.

Thế nào là nơi chốn hành động, như mây thanh tịnh phủ che các loài?

Tu học dứt trừ diên đảo cấu nhiễm, chướng ngại hý luận. Tự tánh chế ngự cội rễ diên đảo, hướng đạt tịch tĩnh. Hình tướng hữu tình chuyển biến như thế. Lìa bỏ nghiệp dữ, ưu khổ, nhiệt não. Dung mạo đoan chánh, thấu đạt thuận hòa. Là chốn hành giải bồ thí thuận hợp. Bồ-tát dẫn dắt chúng sinh thêm tăng. Ngôn ngữ dẫn dạy, tai nạn dứt hết. Phiền não mê thông, thô trọng như vậy. Công đức theo nhân tăng thêm tự tại. Là chốn hữu tình hợp nhất đầy đủ. Si mạn tăng dấy biến khắp như (cõi) không. Nghĩa lợi thuận hợp hành giải phát sinh. Nhân hành tăng trưởng, tự tin như thế. Nơi chốn ái lạc, diên đảo hý luận. Đói khát tận cùng hủy hoại tự tánh. Chế ngự thuận theo thanh tịnh, tịch tĩnh. Tham đắm ái lạc, diên đảo tận cùng. Tĩnh trụ đạt được, nhớ nghĩ chúng sinh. Bồ-đề Tát-đỏa khéo dạy như vậy. Dứt pháp diên đảo, trừ nẻo hý luận. Thanh tịnh điều phục, an trụ tự tại. Tự tánh hành giải ghi nhớ rõ ràng. Tịch tĩnh tịnh diệu là gốc (mọi) phép tắc. Chúng sinh an tĩnh nhận lãnh giáo pháp. Nhân thắng bồ thí (là) nhớ nghĩa chúng sinh. Cội rễ chấp ngã (làm) phát khởi tạp nhiễm. Thắng lực hành thí tịch tĩnh thành tựu. Tạo nhân thượng diệu, bình đẳng phát sinh. Hợp phần đầy đủ, tu tập viên mãn. Lời nói tự tin, tạp nhiễm giảm bớt. Thắng nghĩa thuận hợp, hý luận chẳng sinh. Hợp phần cùng tận, dòng thác phát sinh. Nhân tịnh diệu ấy tánh lìa tranh, nhiễm. Thanh tịnh thuần nhất, tai họa thủy dứt. Tu hạnh bất thoái, tịch tĩnh Như như. Hình tướng kiêu dật, lực dụng phiền tạp. Nhân tánh thanh tịnh, lưu chuyển thuận hợp. Hữu tình thông tỏ, tăng trưởng, xa lìa. Ngôn ngữ chỉ dạy chúng sinh thực hiện. Đốc tu thêm nữa mong đạt thanh tịnh.

Thế nào là nghĩa lợi vô ngã phát sinh?

Ngôn ngữ dạy truyền, thực hành căn bản. Tăng trưởng tận cùng (là) tịch tĩnh phát khởi. Lìa bỏ nghiệp dữ, nơi chốn an lạc. Tự tánh trí tuệ mong đạt an lành.

Thế nào là thanh tịnh nghiêm túc dứt nhiễm?

Diên đảo vô biên, Bồ-tát dẫn dạy.

Thế nào là thí lớn phước nhiều như vậy?

Thắng dụng tạo tác, làng xóm tịch tĩnh. Dẫn dắt muôn loài hướng đạt quả Phật. Hành sợ hãi ấy, giới mốc như (hư) không. Hóa độ thông tỏ an lạc tăng trưởng. Ái lạc thuận hợp phát sinh các tướng. Hý luận dứt trừ, thực hành chân thật. Tánh như đạt được, nghĩa (là)

không chuyên đổi. Sợ hãi tận cùng, gốc mọi trói buộc. Thân tâm năm uẩn, sắc uẩn chứa nhóm. Thọ, tưởng, hành, thức vô chất khó tường. Gốc buộc làm nhân, sinh nghĩa (cho là) chân thật. Tịch tĩnh điều phục, hành thí khắp chốn. Tịnh trụ tự tại, dứt sạch các mạn. Hành, giải gồm đủ, ngọn nguồn hiện rõ. Xa lìa ba độc, cấu nhiễm đều hết.

Thế nào là căn bản hành động tận cùng?

Giảng dạy về thể, cứu cánh như vậy. Đói khổ thực sự, bi nguyện giúp khắp. Lực dụng cõi ý, gốc của tấn tu. Tạo nhân thắng diệt nghiệp dữ, cấu nhiễm. Dòng thác phát đầy si độn, hý luận. Giáo hóa chúng sinh trọn nên như thể. Tướng sinh thực sự (là) diện mạo quả báo. Nhân thắng tăng trưởng (là) xứ sở tĩnh trụ.

Thế nào là căn bản tự tánh hợp phần?

Nơi chốn như núi hiểm trở đáng sợ. Là cõi Bò-tát hành thí chân thật. Hữu tình si mê nhiều không kể xiết. Lực dụng hợp phần, chân thực cùng tận.

Thế nào là pháp tánh thắng nghĩa tịch tĩnh?

Bồ thí tùy thuận, pháp của an lạc.

Thế nào là lực dụng thanh tịnh tấn tu?

Không pháp đảo điên, si chướng mạn (cũng) không. Tinh tấn cúng dường Thập thiện tăng trăm. Vương tộc hưng thịnh, việc thiện sùng tín. Tâm pháp thanh tịnh, tuệ giải chân thật. Bò-tát chỉ dạy (về) cõi rể tai họa. Nhân hành chuyển biến, bi thử tự tại. Giáo pháp thanh tịnh, trí tuệ điều phục. Tự tánh hữu tình, thâm diệu phát sinh. Tâm tịnh hòa hợp, thanh tịnh giải thoát. Là chốn Bò-tát tiếp độ chúng sinh. Tự tánh chứng đắc, thấu đạt xa lìa. Thông tỏ các mạn, tịch tĩnh tăng lên. Phạm hạnh phát huy, lo sợ hòa thuận. Si mạn tăng đầy, tịch tĩnh điều phục. Hữu tình thực hiện lời thiện tăng thêm, tạo nhân thắng hạnh, lực dụng ái lạc. Theo nhân điều phục, tạo nhân thắng nghĩa. Chúng sinh đa văn nghĩa lợi tăng trưởng. Phạm hạnh hòa thuận phần khởi cúng dường. Là chốn tự tánh chân thật thuận hợp. Tu thí tịch diệu, gốc mọi trí tuệ. Tùy thuận dứt sạch điên đảo cấu nhiễm. Dẫn dạy tăng thêm tịch tĩnh, vô úy. Lành thay đề hồ, hơn hẳn các vị. Trí tuệ hợp phần bao la cùng tận. Lành thay hình tướng thù thắng khắp cõi. Cúng dường vô biên mong đạt tịch tĩnh. Ngôn ngữ thù thắng tịch diệu hiện bày. Sợ hãi phát sinh (cần) an tĩnh sám hối. Thanh tịnh an nhiên điều phục căn bản. Ngọn nguồn tự tánh cầu chẳng thể được. Nghĩa lợi bình đẳng (là) tịch tĩnh chân thật. Tiến tu cùng tận, tự tánh hiện bày. Mong đạt thanh tịnh, an tĩnh thù thắng. Các nhân hoạn nạn, điên đảo dứt sạch. Mong cầu dứt mọi quả báo hủy hoại. Bò-tát dẫn dạy dứt mọi hoạn nạn. Lặng dừng (mọi) tạo tác nhiễm ác, hý luận. Mong đạt tăng thêm gánh vác, xa lìa. Nghèo, bệnh, cấu nhiễm tất cả chẳng còn. Vô úy trừ hết (mọi) tạo nghiệp si độn. Lực dụng hữu tình thấu đạt thù thắng. Thuận theo chân thật, thanh tịnh bày khắp. Thanh tịnh bao la biến khắp mọi nẻo. Tự tánh chân như nguồn ngọn “bất sinh”. Tịnh diệu hiện hành thuận hợp tự tại. Tạo nhân thù thắng (là) nơi chốn không hoại. Bồ thí thanh tịnh (là) tu nhân thuận hợp. Tĩnh lặng an nhiên, dứt hết phiền não. Thiện tịnh hòa hợp, hành giải đủ đầy. Thắng nghĩa căn bản lìa tất cả vọng. Nhân duyên bạn lành đốc tu không đổi. Lực dụng rộng khắp, chướng nhiễm chẳng sinh. Tịch tĩnh thù thắng (là) ngọn nguồn tịch diệu. Lực dụng chân thật dẫn dắt muôn loài. Tuệ giải thù thắng (là) năng lực tối thượng (có thể chuyển) tham dục, sân hận, ngu si (thành) thiện tịnh. Trí tuệ chân thật, cứu cánh tự tại. Mong đạt thực hiện rộng khắp mọi nơi. Tự tại thích ứng đạt đến viên mãn. Hình tướng theo nhân, hành giải thuận hợp. Thể tánh như (hư) không (lìa mọi) trói buộc cấu nhiễm. Tự tánh an trụ, giáo hóa đốc tu. Chúng sinh tạo nhân, bồ thí là gốc. Luận vấn thấu đáo, trí tuệ thêm tịnh. Hành uẩn biến chuyển rõ nghĩa vô thường. Vọng tưởng đích thực (sinh ra) phiền não trọng chướng.

(Cùng) tất cả nghiệp dữ bùng dấy chẳng dừng. Theo nhân lưu chuyển, tâm trong tự dứt. Lực dụng mẫu mực, hành giải viên mãn. Nghĩa lợi thù thắng bị thử hòa hợp. Si độn chướng nhiễm (tạo) ngôn ngữ phân biệt. Hành tướng buộc che, Phật giáo dứt trừ. Thuận theo thắng tướng, thanh tịnh là gốc. Hình bóng biến đổi, nhận rõ (là) không thật. Đạo hạnh vô úy mong cầu thấu đạt. Nhân của tịnh diệu đạt được viên mãn. Lực dụng tận cùng, an tịnh như núi. Năng lực hòa hợp, cúng dường mong đạt. Giáo pháp khế hợp, hành thí là gốc. Nghiệp dữ, cấu uế, vọng tưởng sinh khởi. Tạo nhân tịnh diệu, dứt lòng lưu chuyển. Tự tánh đức nghiệp, chuyển đổi an định. Tùy thuận, tiến hướng, cấu nhiễm chẳng sinh. Nhân duyên dẫn dắt phát khởi thuận hợp. Ngôn ngữ lia lổ mọi vật đều đạt. Chân tánh Như như vượt mọi không-hữu. Lực dụng gánh vác, tự tại phát sinh. Lùi tiến như thế, ba cõi lại sinh. Tịnh diệu tận cùng, dứt sạch si độn. Là chón thuận hợp, gốc trí tuệ khởi. Dòng thác phiền não rớt cuộc (cũng) diệt theo. Đốc tu rộng khắp, thần túc chẳng mất. Nhân thắng thường tịch (là) hành “vô úy thí”. Điên đảo chẳng còn, tự tại viên mãn. Tôn kính sư trưởng, nghĩa lợi an tĩnh. Nơi chón rộng lớn rõ ràng như thế. Mong dứt hý luận, tịnh diệu không hoại. Là chón tham dục hiện bày lấm mối. Cõi rẽ che buộc thảy đều dứt hết. Tuệ giải biến khắp, nhiễm buộc đều sạch. Tu thí chân thật (là) hình tướng tịnh diệu. Nghĩa lợi thuận hợp, an tĩnh như non. Gốc đạt lực dụng, tu tập phạm hạnh. Diệt hết si độn, đạt hạnh căn bản. Thiệt tĩnh hòa hợp (là) ngọn nguồn trí dụng. Trí đạt chân như, lý hợp thần lực. Chúng sinh bố thí, rõ nghĩa phát sinh. Tự tánh thông tỏ, ngôn ngữ tinh thuần. Thân phần thanh tịnh, danh sắc thù thắng. Là Đại trượng phu dứt mọi tạo nghiệp. Tu tập bình đẳng, tuệ giải rộng khắp. Lực dụng viên mãn, hòa hợp khắp cõi. Dứt mọi buộc che, phước đức tự tại. Xa lia chướng nhiễm, các mạn chẳng sinh. Trí giải thông tỏ, lực dụng mong đạt. Tu thiện hiện bày, thần túc chuyển biến. Bồ-đề Tát-đỏa lời thiện dẫn dắt. Thắng nghĩa tận cùng, chư Thiên cung kính. Đói khổ hằng dứt, phiền não sạch lầu. Tạo nhân tăng thượng thông tỏ phân biệt. Nghĩa lợi thù thắng; hành, giải gồm đủ. Khéo dứt chướng nhiễm, tu tập thuận hợp. Thật Đại trượng phu! “Hai loại” trùm khắp. Gốc vốn không nhiễm, tịnh diệu phát sinh. Lia xa hình tướng, tu hạnh tận cùng (giải thoát) Thiệt tịnh tăng thêm, tu tập thiện trụ. Xa lia dòng thác, dứt bỏ hý luận, tạo nghiệp giải thoát. Cõi trời chân thật, thân tướng nghiêm đẹp. Nhân thắng thanh tịnh, lực dụng sung mãn. Như vậy dứt hết các nhân cõi ác. Tri kiến bao la, tùy thuận là thế. Năng trừ cõi rẽ phiền não chướng, buộc. Thuận theo lực dụng thông tỏ mọi lẽ. Thân tướng mong đạt lực dụng biến khắp. Buông theo thế gian (là) gốc mọi tai họa. Nghĩa lợi bố thí không cầu phúc báo. Mọi nỗi oán đối mong được dứt trừ. Tạo nhân cõi trời, hành thí trước hết. Trí tuệ thông tỏ (là) bậc đại hữu tình. Ngã mạn bùng dấy, phạm hạnh trừ diệt. Tu tập thiện tịnh, tỏ ngộ vô tướng. Tâm hành lớp lớp, chẳng nguyện vẫn đạt. Đốc tu thuận hòa, tịch tĩnh bày rõ. Tự tánh hiện bày (rõ) chấp ngã nương nhiễm. Chúng sinh thực hành, tướng ấy chẳng mất. Tự tánh nhận ra dòng thác trôi buộc. Lành thay chân thật! Nơi chón hợp phần, thanh tịnh vô biên. Hành thí chân thật an tĩnh hiện bày. Nghĩa lợi hòa hợp, dứt tranh như thế. Là chón Bồ-tát tự tại bình đẳng, cứu vật đều khắp. Tự tánh thông tỏ, chỉ dạy bình đẳng. Trước sau một nẻo, dứt mọi yêu ghét. Thù thắng hiện bày, cúng dường trên hết. Cứu độ muôn loài không hề lia bỏ. Ngã kiến đứng phần, bị thử đều mất. Nhận rõ kiên dật, nghiêm túc trừ diệt. Đúng là Phật dạy. Mong đạt thanh tịnh, dứt mọi hình tướng. Chúng sinh cõi ác, chỉ tạo hủy hoại. Thân trước tàn dứt, thân sau lại khởi. Cùng Phật xa xưa đồng thời mà được. Bồ-đề Tát-đỏa khuyên dạy rõ lời. Tạo tác như vậy, nghĩa lợi chân thật. Dứt ác là chính. Gốc các pháp nhiễm, chấp ngã đứng đầu. Tình thuận sinh tham, tình trái sân dấy. Khoảng giữa si hiện. Sinh tiếp là “hoặc” gồm hai mươi sáu loại. Nhân tánh mà có nhiễm chướng, tạo tác điên đảo, vọng tưởng suy

tim. Đủ cả các loại phiền não cấu nhiễm. Thật là chí loài, giả là lập dùng, là chốn gốc của lực dụng bố thí.

Thế nào là hóa sinh dẫn dạy nêu lên?

Nghiệp thiện thù thắng “hóa sinh” chư Thiên. Tạo nghiệp cực ác “hóa sinh” địa ngục. Từ không chột có. Trong cõi sinh, các thể loại như nhau. Gốc cõi tử, các thể loại có sự khác biệt. Cõi sinh và tử nương thức gốc lập. Sinh tử một niệm như lời Phật dạy. Pháp có khuôn phép, xứ có nhiễm tịnh. Tuệ tỏ hướng đạt, hành giải gồm đủ. Chấp ngã chẳng sinh, phiền não cũng dứt. Đốc đạt thiện đạo, tịnh pháp liền sinh. Nhân của thù thắng phát sinh hợp chốn. Gốc không tâm thí, quả nhận thậm tề. Tịch tĩnh vô vi (là) ngọn nguồn thắng nghĩa. Bờ-tát vô úy bạn lành dẫn độ. Tự tánh bản lai, thường xuyên dẫn dắt. An lạc dứt mạn, tấn tu như vậy. Phép tắc nghiêm túc, nương tựa tĩnh trụ. Các mạn tăng dấy, ngôn ngữ đều dứt. Bình đẳng thuận hòa, hướng đạt an tĩnh. Vương giả giáo lệnh khế hợp khắp chốn. Chúng sinh hành tham, nên thành nẻo nghiệp. Bờ-tát dẫn dạy thiện nghiệp thanh tịnh. Thực hành tự tại tâm không vướng mắc. Hiện, sinh đều thuận luôn làm chủ nghiệp. Nên gọi bốn loài, thọ báo tuần tự. Ba thừa hóa độ cùng đạt bờ giác. Bờ bến người, trời đạt được (đều) bỏ lại. Ba thừa không đồng, cứu cánh đều đạt. Năng cầu chí quyết, ngày hết ắt thành. Cứu cánh tột cùng là đến bờ giác. Vượt mọi sinh diệt cùng mọi lưu chuyển. Cũng khởi luân hồi. Đó là bờ giác. Pháp thiện tự tánh là pháp (thiện trong) tâm sở. Pháp thiện tương ưng thông cả (tâm) vương, (tâm) sở. Bĩ thử tăng trưởng (là) nhân của tận cùng. Tuệ giải thông tỏ nêu rõ cứu cánh. Tự tánh thông tỏ thấu đạt ái lạc. Vương giả phát huy, hữu tình hướng đến. Tu tập thấu đạt yên tĩnh an lạc. Các pháp dục lạc, tham ái là gốc. Pháp thiện cùng khởi hợp với tinh tấn. Dục thông ba tánh cùng nhiễm, chẳng nhiễm.

Giáo pháp Phật dạy: Đức hạnh nhiều loại, không ngoài lợi vật. Công của thấu đạt là ở trí tuệ. Hình tướng trang nghiêm tươi đẹp hơn hết. Tất cả tự tánh chuyển biến đúng thật. Phước đức trí tuệ tịnh diệu đáng yêu. Tạo nên nơi chốn tịnh diệu thuần khiết.

Thế nào là giải thoát dứt sạch phiền não?

Phật đạo hưng lên, tối tăm đều dứt. Tịch tĩnh thù thắng, hóa độ, chuyển đổi. Phiền não cấu nhiễm không thể hủy hoại. Là cõi trí hiện, ám chướng đều tan. Thanh tịnh thuận hợp, cao xa hướng đạt. Nghiệp dữ, hý luận, giáo thừa thầy dứt. Diệt mọi trói buộc cấu uế, bệnh hoạn. Tham, sân, si độc, gốc của điên đảo. Trí tuệ chân thật, chúng sinh khó đạt. Hướng đạt tịch tĩnh, không hề dao động. Bờ-tát chỉ dạy, khắp mọi nơi chốn. Lực dụng đốc tu, tai nạn chẳng sinh. An trụ bình đẳng, đó là vô úy. Nghĩa lợi viên mãn, tu hạnh thanh tịnh. Dứt mọi điên đảo, thế gian thành tự. Siêng tu bố thí, ngã mạn chẳng dấy. Thắng nghiệp thanh tịnh, phép tắc sung mãn. Dứt trừ tham dục. Thế gian đối khổ không giúp mà được. Ở nơi cõi trời cũng có nghèo, bệnh. Chư Thiên Dục giới hãy còn sát hại. Đế Thích, Tu-la sân hận mà dứt. Tham dục ưu khổ, cõi dục đủ cả. Chết sống theo nghiệp, tất cả đều chịu. Chuyển biến đúng phần, nghĩa lợi thích hợp. Lực dụng thanh tịnh giáo hóa nghiêm túc. Hành gốc bố thí, dứt mọi vọng nhiễm.

Thế nào là chi tử, xả thức thứ tám? Thế nào là chi sinh, sinh thức thứ tám?

Chỉ ở thức này, sinh tử kiến lập. Từ các thức còn lại, thể chẳng lập chi. Có nơi cho là “tịnh tùy chuyển môn”. Hành, giải tăng lên, gốc của nhân thiện. Chân thật, an lành rõ nguồn ưu khổ. Tịch tĩnh tiến tu, hành giải ít có. Danh sắc, năm uẩn, hóa độ chân thật. Bồ thí vô ngã khế hợp như vậy. Đức hạnh an tĩnh, trăm phước trang nghiêm. Mong đạt thiện diệu tịch tĩnh “vô sinh”. Không thể hủy, diệt, chẳng hề lưu chuyển. Hướng đạt, “vô úy”, gánh vác tăng trưởng. Bồ thí chân thực, lực dụng đốc tu. Thắng nghĩa phát huy, gắng sức tạo thành. Các

nẻo oán đối thấu đạt, lia bỏ. Sinh diệt gốc tĩnh, thanh tịnh Như như. Chi phần chuyên biến, niệm niệm nối nhau. Các pháp tự tánh chẳng hề được, mất. Bồ-tát khai thị dẫn dắt như vậy. Thiền định tịch tĩnh vượt mọi tư duy. An tĩnh như (hư) không, dứt mọi sân hận. Nhận rõ sân hận bùng lên như lửa. Bản lai thuận hợp, tịch diệt là vậy. Hành động phạm phu, bố thí là chính. Tu tập thuận hợp, nhân lia cấu ứ. Tịnh diệu chân thật, dứt tướng si độn. Tu tập hướng đạt lực dụng các tướng. Gắng tu dứt trừ phiền não, hỷ luận. Ngu độn, các mạn trói buộc câu kết. Tinh tấn hướng đạt tất cả tướng (tạo) nhân. Thắng hạnh hữu tình, tự lợi, lợi tha. Cội rễ thuận hợp, trời người quy ngưỡng. Tự tánh an trụ, tu trì thuận hạnh. Bồ-đề Tát-đỏa hành hóa ý vui. Các pháp giáo hóa lợi tha là việc (chính). Lực dụng bình đẳng, ngưỡng mộ kính tu. Cội nguồn giáo pháp thanh tịnh Như như. Từ sâu đến rõ thực hành là gốc. Thắng nghĩa tịch tĩnh chỉ nương Phật pháp. Tu hạnh tịnh diệu, an trụ thù thắng. Phiền não sinh khởi, gốc của nghiệp dữ. Nhân căn thu sắc gốc vốn không buộc. Lực dụng thanh tịnh tịch nhiên thông tỏ. Tánh như bất sinh, có từ vô thi. Nhân duyên trong lặng, chẳng pháp nào lia. Lý không thể suy, đâu thể hướng tìm. Pháp không lưu chuyển, thể tánh “phi hữu”. Chân tánh Niết-bàn thể cũng “phi hữu”. Vi diệu thậm thâm, trong lặng an tĩnh. Bồ-đề Tát-đỏa theo đây giữ tâm. Nung trộn chẳng động, lặng đọng trong lặng. Pháp vốn thường trụ, dạy dỗ rõ vậy. Tự tha giảm mất, tánh phiền não hiện. Bạc Đại Bồ-tát tiếp dẫn nơi ấy. Các pháp tối thượng vượt mọi tăng giảm. Quả vị mong đạt tức đến bờ giác. Thông tỏ giáo hành, phát sinh (tâm) bất thoái. Theo đây tấn tu (đạt) hình tướng thắng diệu. Giáo hóa, dẫn dắt hoạn nạn chúng sinh. Thấu đạt giáo pháp diệu lý thù thắng. Dứt mọi bụi cấu, đạt hạnh thanh tịnh. Lia khỏi quả báo hướng đạt tam thừa. Bồ-tát thấu suốt tất cả muôn loài. Là xứ Bồ-tát tu hạnh căn bản. Trí tuệ quán chiếu tỏ lẽ “vô sinh”. Từ bỏ mê lầm vui đạt giải thoát. Xua dần phiền não theo pháp tiêm tu. Mâm đạo nảy rõ, chướng nhiễm đều lặng. Hỷ luận chẳng dấy (đạt) cứu cánh chân thật. Dạy trao hạnh thí Phật từng nêu rõ. Thấu nẻo tri túc, tham ái nào sinh. Nơi chốn chân thật tu thiện chứng đạt. Cội rễ nhiễm diệt, dốc tu chánh hạnh. Lời Bồ-tát dạy. Xa lia mọi nhiễm. Hỷ luận dấy tràn nơi chốn điên đảo. Trí tuệ suy tìm, bỏ điều vô nghĩa. Chánh pháp nêu bày tận cùng chân thật. Thuận theo tâm tịnh phát huy nguồn ngọn. Nhân của tịnh diệu, chỗ nương của đức. Thánh nhân dạy rõ, chúng sinh cùng theo. Phạm hạnh diệt trừ thảy mọi trói buộc. Bồ-tát dẫn dắt, ái ngữ tỏ bày. Hóa độ muôn loài tu hạnh tịnh diệu. Hành thí bao la viên mãn vô ngại. Vật dùng thành trước (tiên), sức của Thiên đế. Tu tập thắng pháp tăng trưởng, chuyên biến. Là cội tạo nhân hóa hiện cảm ứng. Sức buộc dấy khởi, sinh tử trôi lăn. Nơi ấy Bồ-tát tùy duyên hóa độ. Tâm ý thanh tịnh, dốc lòng tu tập. Hình tướng tĩnh lặng bố thí chân thật. Dẫn dắt phát huy từ không biến khắp. Hành nghiệp thù thắng bốn phương cùng cảm. Hành thí tăng trưởng hiện bày khắp cõi. Là chốn Bồ-tát hành hóa tự tại. Gốc rễ chấp ngã (là) chẳng tin giáo pháp. Vận dụng, chuyển đổi đều từ sức mình. Thân phần chúng sinh giữ bỏ tùy sức (mình). Hữu tình (bị) trói buộc do theo đường quấy. Quyết chí dốc tâm mong cầu sám hối. Không (tạo) nhân biến chuyển, tức thì đạt được. Cõi ý dứt sạch tất cả vọng niệm. Nhân duyên thanh tịnh luôn được “hộ niệm”. Bao lực, điềm dữ, Phật lực năng trừ. Nơi chốn thanh tịnh, hoạn nạn chẳng sinh. Bồ-tát dẫn dắt, căn lành tiếp nối. Hình tướng chẳng hoại, lực của phước báo. Dứt trừ hỷ luận, lực dụng tự tại. Hành thí thông tỏ, nhân của thù thắng. Tự tánh thanh tịnh, gốc mọi an nhiên. Bồ-đề Tát-đỏa dốc lời dẫn dắt. Dứt nhân sợ hãi quả báo chân thật. Dựa theo sức nhân, thông tỏ báo ứng. Ảnh hưởng cùng hợp, tu học càng gắng. Thân tâm dứt buộc, vào nẻo cõi người. Ngũ giới Tam quy mong đạt cùng tận. Theo nhân tối thượng, hiện hành thuận hợp. Bốn loài hiện tại, thọ báo bất định. Nghĩa lợi đời trước (tạo ra) bốn loại bố thí. Như đã nêu rõ, trói buộc

(vốn) tận cùng. Chúng sinh làm sao tu hành dứt trừ?

Nhân duyên phạm tĩnh, thiện tịnh hiện bày. Bồ-tát dạy rõ nên tu (bồ) thí, (giữ) giới. Lực dụng cõi trời dứt mọi sợ hãi. Là cõi Bồ-tát hành hóa thích ứng. Tu tập thuận hợp, hạnh của chân thật.

Thế nào là tịch tĩnh dứt mọi phiền não?

Hành động điên đảo, thắng nghĩa chẳng sinh. Vương giả nơi người, phước đức như trời. Ngôn ngữ giáo lệnh bốn phương thuận theo. Chế độ, phép tắc nghiêm túc thích hợp. Thông tỏ Thánh nghĩa, thù diệu viên mãn. “Bất hại” (tâm sở) trong thiện, lấy Bi làm thể. Chánh đở, sân dấy, quấy nhiễu hữu tình. Trong số hằng trăm thiện bị nhiễm (là) chính. Chi phần tự tánh (là) tánh A-lại-đa. (Thức ấy) lấy tam giới, năm cõi, bốn loài làm thể. Tất cả các pháp đều nương (ở) pháp ấy. Pháp của thức ấy gồm cả thiện ác. Tánh là “vô ký” không thọ nhận quả. Bạc Đại Bồ-tát theo giáo nên dạy. Bốn quả La-hán tiếp nhận ở đây. Các pháp an lạc (do) nhân bồ thí (mà) được. Hóa độ muôn loài đạt đến giải thoát.

Thế nào là tánh chất không thật, chẳng bền của thể tánh?

Bồ thí tùy thuận cứu giúp đói khổ. Phát huy cõi ý. Tự tánh thông tỏ, gốc chẳng hoại diệt. “Bất sinh” là gì? Pháp thể nương duyên, không nhân chẳng hiện. Quả bồ thí ấy đạt tướng thù thắng. Chân thật bao la, vô ngã (là) hơn hết. Hành lễ tối thượng chí dóc chẳng ngừng. Sắc tướng thiện tịnh, giữ giới ắt đạt. Thân muốn chuyển dời, bệnh tật hủy hoại. Thông suốt chi phần tánh không bền chắc. Nhân duyên tĩnh lặng (rõ lẽ) tồn tại tạm thời. Các pháp vô lậu chuyển biến vô tận. Đường nẻo cõi người tâm thu tất tẩy. Tướng lạ, lực lớn, thân tâm suy, tối. Danh sắc hủy hoại tự tánh chân thật. An lạc sung mãn như gió thổi đuốc. Tự tánh Niết-bàn tỏ ngộ viên mãn.

Thế nào là oán đối hiện tiền lúc sắp chết?

Tâm ý dứt nhân, do đâu sinh khởi? Thiên chủ Đê Thích thông tỏ thiện ác. Nghĩa lợi giáo, thừa chẳng phải hư bày. Tạo tác mong đạt ngọn nguồn nghĩa lý. Cứu cánh tự tánh nghĩa (là) đạt giải thoát. Tùy thuận thể gian, nghĩa (là) chẳng bền vững.

